

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 19/7/2022

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Lãnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Chính;

2. Bà Phan Thị Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đào Lý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 4 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc Q, sinh năm 1987.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn X, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam.

Các bên đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh X tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam. Nguyên nhân chị Q xin ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, anh chị đã sống ly thân hơn 03 tháng

nay. Chị Q nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng không thể sống chung được, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh X.

Về con chung: Có 02 cháu tên Trần Hoàng Th, sinh ngày 20/8/2015 và Trần Hoàng Khả T, sinh ngày 14/7/2019. Khi sống ly thân với anh X tôi về nhà mẹ đẻ từ ngày 19/3/2022 đến nay, hai con vẫn ở chung với tôi. Anh X không quan tâm đến các con. Để ổn định cuộc sống, tình cảm cho 02 con, tôi yêu cầu tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con; không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai, các phiên hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn anh X trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh thống nhất với phần trình bày của chị Q về thời gian và điều kiện kết hôn. Do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, nên anh chị đã sống ly thân từ ngày 19/3/2022 đến nay. Tôi thống nhất ly hôn với chị Q.

Về con chung: Có 02 cháu tên Trần Hoàng Th, sinh ngày 20/8/2015 và Trần Hoàng Khả T, sinh ngày 14/7/2019. Khi tôi và chị Q sống ly thân thì hai con theo chị Q về sống với bà ngoại gần đó. Khi ly hôn, anh có nguyện vọng nuôi con tên Th và giao con tên T cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị Q, anh X. Về trách nhiệm nuôi con chung: Hai con T, Th đang được chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng, học hành tốt, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục giao hai con T, Th cho chị Q tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Về đóng góp phí tổn nuôi con chung và tài sản chung chị Q, anh X không yêu cầu, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đơn khởi kiện của chị Q yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với anh X đảm bảo hình thức, nội dung quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh X cư trú tại thôn N, xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam nên Tòa án nhân dân huyện H có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Q và anh X tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Q, huyện H, tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 10/7/2012 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Tại phiên hòa giải ngày 5/6/2022 và tại phiên tòa, chị Q và anh X thống nhất thuận tình ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Q và anh X.

[3]. Về con chung: Chị Q và anh X có 02 con Trần Hoàng Th (*sinh 20/8/2015*) Trần Hoàng Khả T (*sinh 14/7/2019*). Chị Q yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con và không yêu cầu anh X đóng góp nuôi con chung cùng chị. Anh X yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Hoàng Th và giao cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng con Trần Hoàng Khả T; không yêu cầu chị Q đóng góp nuôi con chung cùng anh.

Xét thấy yêu cầu được chăm sóc, nuôi con chung của chị Q, anh X là chính đáng, chị Q và anh X đều có sức khỏe, điều kiện kinh tế để nuôi các con. Nhưng khi hai vợ chồng chị Q, anh X sống ly thân từ ngày 19/3/2022 đến nay, 02 con Th, T về sống với chị Q bên nhà bà ngoại gần đó. Chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con tốt, có nơi ở ổn định (*bà ngoại sống một mình*). Mặc khác tại phiên tòa anh X cũng thừa nhận cháu Th thích sống chung với mẹ, không chịu theo sống với anh, anh cho rằng cháu Th còn nhỏ, nhưng anh từ từ sẽ thuyết phục được. Hiện tại 02 cháu còn nhỏ đang gầy gò, sống chung với chị Q, chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng tốt, tiếp tục giao 02 cháu cho chị Q chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị Q không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Q tự nguyện chịu nên Hội đồng xét xử căn ghi nhận sự tự nguyện của chị Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc Q về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc Q và anh Trần Văn X.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng Khả T, sinh ngày 14/7/2019; cháu Trần Hoàng Th, sinh ngày 20/8/2015 cho chị Nguyễn Thị Ngọc Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con đến tuổi trưởng thành. Chị Q không yêu cầu anh X cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Anh X có quyền, nghĩa vụ thăm

nom con chung mà không ai được cản trở. Các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không có yêu cầu nên không giải quyết.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc Q phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006566 ngày 07 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Quảng Nam. Chị Q đã nộp đủ án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/7/2022).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã Q, huyện H (số 14/2012 - quyền số 01);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tiến Lãnh